TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 2 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**106**			**66.880.000**	**2**	**681.923**				**626.000**	**0,37**	**1.067.550**	**69.255.473**	**3.117.500**	**584.700**	**390.000**	**692.600**	**275.000**				**278.750**	**5.338.550**	**63.916.923**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	8.240.000	20	A		15.200.000						328.000			15.528.000	659.300	123.700	82.500	155.300	55.000				278.750	1.354.550	14.173.450	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	8.471.000	20	A		12.920.000							0,30	447.000	13.367.000	677.700	127.100	84.800	133.700	55.000					1.078.300	12.288.700	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	6.843.000	24	A		12.920.000									12.920.000	547.500	102.700	68.500	129.200	55.000					902.900	12.017.100	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	8.865.000	18	A		12.920.000	2	681.923				298.000	0,07	620.550	14.520.473	709.300	133.000	88.700	145.200	55.000					1.131.200	13.389.273	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	6.545.000	24	A		12.920.000									12.920.000	523.700	98.200	65.500	129.200	55.000					871.600	12.048.400	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**78**			**35.112.000**			**1**	**600.000**	**61.471**				**35.773.471**	**1.718.700**	**322.500**	**215.000**	**357.700**	**220.000**				**77.445**	**2.911.345**	**32.862.126**	
6	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.264.000	24	A		10.032.000									10.032.000	501.200	94.000	62.700	100.300	55.000					813.200	9.218.800	
7	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	5.154.000	17	A		8.360.000									8.360.000	412.400	77.400	51.600	83.600	55.000					680.000	7.680.000	
8	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.154.000	17	A		8.360.000			1	600.000	61.471				9.021.471	412.400	77.400	51.600	90.200	55.000				77.445	764.045	8.257.426	
9	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	4.908.000	20	A		8.360.000									8.360.000	392.700	73.700	49.100	83.600	55.000					654.100	7.705.900	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**288**		**72.945**	**72.915.381**									**72.915.381**	**4.920.000**	**923.100**	**615.800**	**729.200**	**660.000**		**522.750**			**8.370.850**	**64.544.531**	
10	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	22	A	5.588	5.585.731									5.585.731	404.100	75.800	50.600	55.900	55.000					641.400	4.944.331	
11	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	5.575	5.572.736									5.572.736	404.100	75.800	50.600	55.700	55.000					641.200	4.931.536	
12	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.287.000	25	A	5.725	5.722.676									5.722.676	423.000	79.400	52.900	57.200	55.000					667.500	5.055.176	
13	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	5.575	5.572.736									5.572.736	418.500	78.500	52.400	55.700	55.000					660.100	4.912.636	
14	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	6.800	6.797.239									6.797.239	384.900	72.200	48.200	68.000	55.000					628.300	6.168.939	
15	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.051.000	22	A	7.590	7.586.918									7.586.918	404.100	75.800	50.600	75.900	55.000		212.100			873.500	6.713.418	
16	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.287.000	25	A	4.950	4.947.990									4.947.990	423.000	79.400	52.900	49.500	55.000					659.800	4.288.190	
17	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.051.000	22	A	4.950	4.947.990									4.947.990	404.100	75.800	50.600	49.500	55.000					635.000	4.312.990	
18	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	6.800	6.797.239									6.797.239	404.100	75.800	50.600	68.000	55.000					653.500	6.143.739	
19	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.287.000	25	A	4.475	4.473.183									4.473.183	423.000	79.400	52.900	44.700	55.000					655.000	3.818.183	
20	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội phó bảo vệ	5.287.000	22	A	7.942	7.938.775									7.938.775	423.000	79.400	52.900	79.400	55.000					689.700	7.249.075	
21	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	6.975	6.972.168									6.972.168	404.100	75.800	50.600	69.700	55.000		310.650			965.850	6.006.318	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**701**		**256.062**	**255.958.034**	**3**	**603.577**				**850.000**			**257.411.611**	**11.745.000**	**2.203.500**	**1.470.300**	**2.574.300**	**1.595.000**		**925.000**	**858.000**		**21.371.100**	**236.040.511**	
22	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	8.825	8.821.417									8.821.417	404.100	75.800	50.600	88.200	55.000					673.700	8.147.717	
23	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.287.000	25	A	9.000	8.996.346						179.000			9.175.346	423.000	79.400	52.900	91.800	55.000		206.000			908.100	8.267.246	
24	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.982.000	25	A	9.100	9.096.305									9.096.305	398.600	74.800	49.900	91.000	55.000					669.300	8.427.005	
25	HL-02362	Đặng Hữu Quân	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	10.425	10.420.767									10.420.767	384.900	72.200	48.200	104.200	55.000					664.500	9.756.267	
26	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.287.000	25	A	10.775	10.770.625									10.770.625	423.000	79.400	52.900	107.700	55.000					718.000	10.052.625	
27	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	22	A	8.910	8.906.382									8.906.382	404.100	75.800	50.600	89.100	55.000					674.600	8.231.782	
28	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	Tổ trưởng cơ động	4.982.000	25	A	9.650	9.646.082									9.646.082	398.600	74.800	49.900	96.500	55.000					674.800	8.971.282	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
29	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	10.475	10.470.747									10.470.747	418.500	78.500	52.400	104.700	55.000					709.100	9.761.647	
30	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	9.750	9.746.041									9.746.041	384.900	72.200	48.200	97.500	55.000					657.800	9.088.241	
31	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.231.000	22	A	3.256	3.254.678	3	603.577							3.858.255	418.500	78.500	52.400	38.600	55.000					643.000	3.215.255	
32	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	9.075	9.071.315									9.071.315	418.500	78.500	52.400	90.700	55.000					695.100	8.376.215	
33	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	22	A	5.588	5.585.731									5.585.731	366.500	68.800	45.900	55.900	55.000					592.100	4.993.631	
34	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	9.525	9.521.133									9.521.133	384.900	72.200	48.200	95.200	55.000					655.500	8.865.633	
35	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	22	A	9.768	9.764.034									9.764.034	384.900	72.200	48.200	97.600	55.000					657.900	9.106.134	
36	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	25	A	6.050	6.047.544									6.047.544	398.600	74.800	49.900	60.500	55.000		215.000	624.000		1.477.800	4.569.744	
37	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	8.800	8.796.427									8.796.427	384.900	72.200	48.200	88.000	55.000					648.300	8.148.127	
38	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.982.000	25	A	6.675	6.672.290						149.000			6.821.290	398.600	74.800	49.900	68.200	55.000					646.500	6.174.790	
39	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.287.000	22	A	9.086	9.082.311						149.000			9.231.311	423.000	79.400	52.900	92.300	55.000					702.600	8.528.711	
40	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	25	A	10.175	10.170.869									10.170.869	423.000	79.400	52.900	101.700	55.000					712.000	9.458.869	
41	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	8.375	8.371.600									8.371.600	404.100	75.800	50.600	83.700	55.000					669.200	7.702.400	
42	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	25	A	9.675	9.671.072									9.671.072	404.100	75.800	50.600	96.700	55.000		215.000			897.200	8.773.872	
43	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	9.675	9.671.072									9.671.072	384.900	72.200	48.200	96.700	55.000					657.000	9.014.072	
44	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	8.825	8.821.417									8.821.417	404.100	75.800	50.600	88.200	55.000			234.000		907.700	7.913.717	
45	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	9.675	9.671.072									9.671.072	418.500	78.500	52.400	96.700	55.000					701.100	8.969.972	
46	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.051.000	22	A	8.910	8.906.382									8.906.382	404.100	75.800	50.600	89.100	55.000					674.600	8.231.782	
47	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.966.000	22	A	9.592	9.588.105						224.000			9.812.105	477.300	89.500	59.700	98.100	55.000					779.600	9.032.505	
48	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.051.000	22	A	8.602	8.598.507									8.598.507	404.100	75.800	50.600	86.000	55.000					671.500	7.927.007	
49	HL-02804	Lê Khắc Đạo	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	25	A	8.525	8.521.539									8.521.539	404.100	75.800	50.600	85.200	55.000					670.700	7.850.839	
50	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	25	A	9.300	9.296.224						149.000			9.445.224	398.600	74.800	49.900	94.500	55.000		289.000			961.800	8.483.424	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**534**		**149.567**	**149.506.271**						**179.000**			**149.685.271**	**8.909.700**	**1.671.600**	**1.115.400**	**1.497.000**	**1.210.000**					**14.403.700**	**135.281.571**	
51	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.581.000	25	A	6.750	6.747.256									6.747.256	366.500	68.800	45.900	67.500	55.000					603.700	6.143.556	
52	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	7.175	7.172.087									7.172.087	384.900	72.200	48.200	71.700	55.000					632.000	6.540.087	
53	HL-06523	Dương Đình Thảo	Đội trưởng cơ động	4.810.000	25	A	7.625	7.621.904									7.621.904	384.900	72.200	48.200	76.200	55.000					636.500	6.985.404	
54	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	4.982.000	25	A	7.650	7.646.894									7.646.894	398.600	74.800	49.900	76.500	55.000					654.800	6.992.094	
55	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	25	A	5.800	5.797.645									5.797.645	398.600	74.800	49.900	58.000	55.000					636.300	5.161.345	
56	HL-02299	Trần Đức Huệ	NV bảo vệ	4.982.000	15	A	1.860	1.859.245									1.859.245	398.600	74.800	49.900	18.600	55.000					596.900	1.262.345	
57	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	8.125	8.121.701									8.121.701	384.900	72.200	48.200	81.200	55.000					641.500	7.480.201	
58	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.051.000	22	A	7.194	7.191.079									7.191.079	404.100	75.800	50.600	71.900	55.000					657.400	6.533.679	
59	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	6.475	6.472.371									6.472.371	418.500	78.500	52.400	64.700	55.000					669.100	5.803.271	
60	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.231.000	25	A	5.100	5.097.929									5.097.929	418.500	78.500	52.400	51.000	55.000					655.400	4.442.529	
61	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.287.000	22	A	6.688	6.685.285									6.685.285	423.000	79.400	52.900	66.900	55.000					677.200	6.008.085	
62	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	8.800	8.796.427									8.796.427	404.100	75.800	50.600	88.000	55.000					673.500	8.122.927	
63	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	25	A	8.025	8.021.742									8.021.742	454.600	85.300	56.900	80.200	55.000					732.000	7.289.742	
64	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	7.175	7.172.087									7.172.087	418.500	78.500	52.400	71.700	55.000					676.100	6.495.987	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
65	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.287.000	25	A	6.475	6.472.371									6.472.371	423.000	79.400	52.900	64.700	55.000					675.000	5.797.371	
66	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	25	A	6.725	6.722.270									6.722.270	423.000	79.400	52.900	67.200	55.000					677.500	6.044.770	
67	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	7.300	7.297.036									7.297.036	404.100	75.800	50.600	73.000	55.000					658.500	6.638.536	
68	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	6.700	6.697.280									6.697.280	404.100	75.800	50.600	67.000	55.000					652.500	6.044.780	
69	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	25	A	6.725	6.722.270									6.722.270	404.100	75.800	50.600	67.200	55.000					652.700	6.069.570	
70	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.051.000	25	A	7.450	7.446.975						179.000			7.625.975	404.100	75.800	50.600	76.300	55.000					661.800	6.964.175	
71	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	7.300	7.297.036									7.297.036	384.900	72.200	48.200	73.000	55.000					633.300	6.663.736	
72	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	6.450	6.447.381									6.447.381	404.100	75.800	50.600	64.500	55.000					650.000	5.797.381	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**354**		**109.899**	**109.854.381**						**149.000**			**110.003.381**	**6.062.500**	**1.137.300**	**759.000**	**1.100.200**	**825.000**	**972.400**	**412.000**		**13.125**	**11.281.525**	**98.721.856**	
73	HL-02099	Nguyễn Công Thành	Đội trưởng bảo vệ	5.287.000	25	A	10.650	10.645.676									10.645.676	423.000	79.400	52.900	106.500	55.000					716.800	9.928.876	
74	HL-02422	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.982.000	18	A	1.080	1.079.561									1.079.561	398.600	74.800	49.900	10.800	55.000		206.000			795.100	284.461	
75	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	5.966.000	25	A	9.850	9.846.001						149.000			9.995.001	477.300	89.500	59.700	100.000	55.000					781.500	9.213.501	
76	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	6.500	6.497.361									6.497.361	404.100	75.800	50.600	65.000	55.000	85.800				736.300	5.761.061	
77	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	6.975	6.972.168									6.972.168	384.900	72.200	48.200	69.700	55.000	143.000				773.000	6.199.168	
78	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	6.450	6.447.381									6.447.381	384.900	72.200	48.200	64.500	55.000					624.800	5.822.581	
79	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.051.000	25	A	7.525	7.521.945									7.521.945	404.100	75.800	50.600	75.200	55.000	85.800				746.500	6.775.445	
80	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	25	A	10.525	10.520.727									10.520.727	366.500	68.800	45.900	105.200	55.000		206.000			847.400	9.673.327	
81	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	4.810.000	11	A	1.969	1.968.201									1.968.201	384.900	72.200	48.200	19.700	55.000					580.000	1.388.201	
82	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	4.810.000	25	A	6.675	6.672.290									6.672.290	384.900	72.200	48.200	66.700	55.000	114.400				741.400	5.930.890	
83	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.051.000	25	A	10.700	10.695.656									10.695.656	404.100	75.800	50.600	107.000	55.000				13.125	705.625	9.990.031	
84	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiễu	NV bảo vệ	5.231.000	25	A	7.525	7.521.945									7.521.945	418.500	78.500	52.400	75.200	55.000	85.800				765.400	6.756.545	
85	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	25	A	8.600	8.596.508									8.596.508	404.100	75.800	50.600	86.000	55.000	200.200				871.700	7.724.808	
86	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	25	A	6.825	6.822.229									6.822.229	404.100	75.800	50.600	68.200	55.000	114.400				768.100	6.054.129	
87	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.231.000	25	A	8.050	8.046.732									8.046.732	418.500	78.500	52.400	80.500	55.000	143.000				827.900	7.218.832	
Tổng cộng					**2.061**		**588.473**	**690.226.067**	**5**	**1.285.500**	**1**	**600.000**	**61.471**	**1.804.000**	**0,37**	**1.067.550**	**695.044.588**	**36.473.400**	**6.842.700**	**4.565.500**	**6.951.000**	**4.785.000**	**972.400**	**1.859.750**	**858.000**	**369.320**	**63.677.070**	**631.367.518**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng